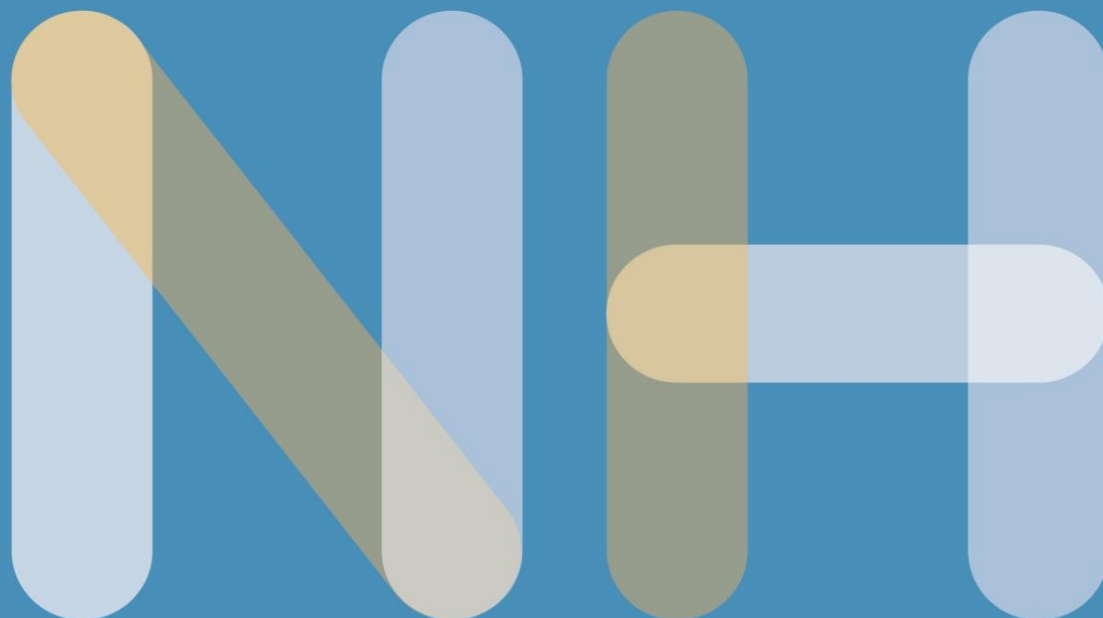


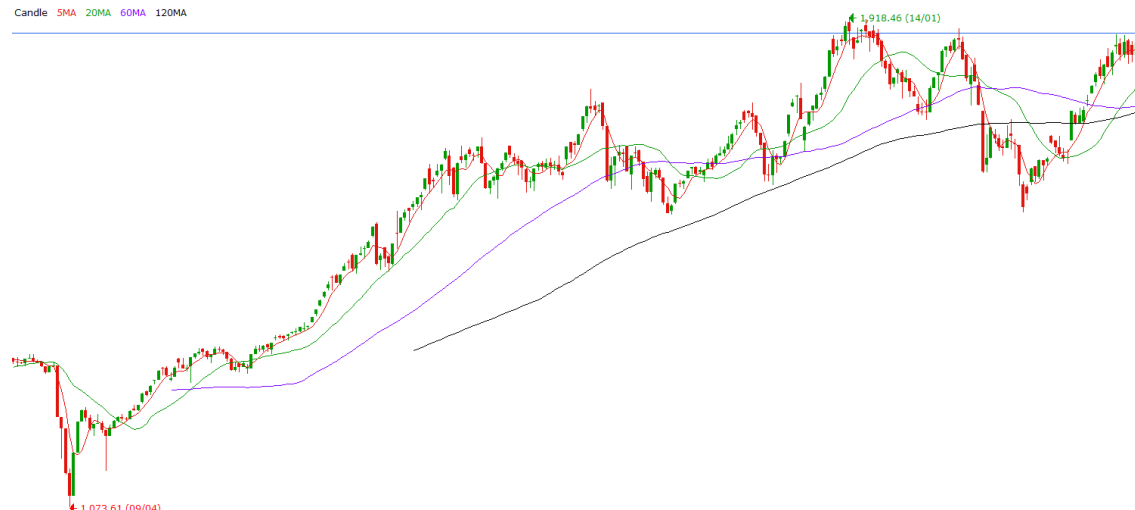
BẢN TIN HÀNG NGÀY

06 tháng 5 năm 2026



Nhóm chứng khoán bùng nổ

- Vn-Index đi ngang trong phiên sáng, và tăng tốt trong phiên chiều, đóng cửa tăng 16.35 điểm
- Số lượng mã tăng gấp 1.8 lần số mã giảm, đa phần các nhóm ngành tăng điểm
- Nhóm chứng khoán bùng nổ, trong đó HCM VIX tăng trần
- Điểm nhấn: GEX tăng trần và NVL được giải cứu với khối lượng giao dịch lên tới 75 triệu cổ phiếu, gấp đôi ngày hôm qua
- VIC VHM giảm điểm khá mạnh trong hầu hết ngày, nhưng lại được đẩy lên tham chiếu trong phiên ATC
- Giá trị giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE tăng 19.5% so với ngày trước đó

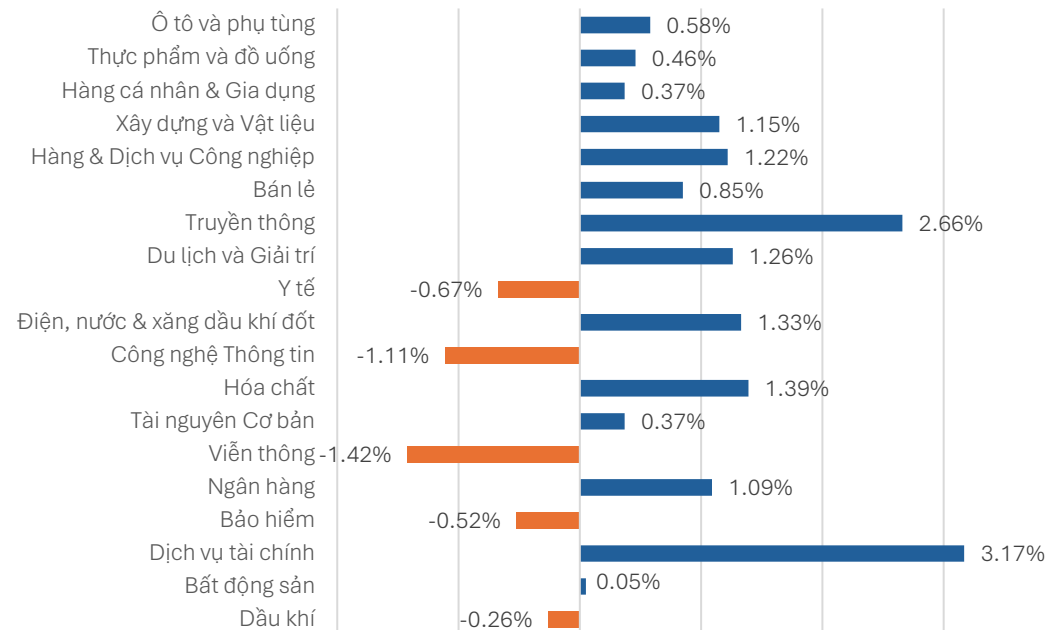


	HOSE	HNX	UPCOM
Đóng cửa	1,891.2	248.5	127.7
(+/-)	16.35	1.04	0.39
(%)	0.87%	0.42%	0.31%
Khối lượng giao dịch (Triệu cp)	875	95	45
Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	23,826	1,678	571
Giao dịch khối ngoại (Tỷ VND)	(1,076)	(2)	5
Số mã tăng	202	75	139
Số mã giảm	110	70	105
Số mã giá không đổi	64	72	76

1.

Nhận định thị trường

- Hôm nay tất nhiên là 1 phiên rất tích cực: dòng tiền quay lại với nhóm chứng khoán, vốn là nhóm ngành có tính thị trường cao, và thường gắn với những giai đoạn tăng tốt của Vn-Index
- Hơn nữa, GEX cũng tăng trần, GEX vốn là cổ phiếu có tính đầu cơ cũng khá cao
- Như vậy, dòng tiền lần lượt chuyển từ nhóm dầu khí sang chứng khoán trong 2 ngày qua
- 1 số nhà đầu tư sẽ lo lắng vì Vn-Index đang đóng cửa tại 1,891.2 điểm - ngay sát kháng cự mạnh 1,900 điểm. Tuy vậy, đa phần cổ phiếu vẫn ở vùng rất thấp, ngoại trừ VIC VHM VRE tăng đẩy chỉ số.
- Giờ không phải thời điểm bán ra, nhà đầu tư có thể tiếp tục mua vào.



STT	Nhóm ngành	PE	PB
1	Dầu khí	12.37	1.75
2	Nguyên vật liệu	13.64	1.61
3	Công nghiệp	13.46	1.82
4	Hàng Tiêu dùng	14.03	2.34
5	Dược phẩm và Y tế	16.27	1.63
6	Dịch vụ Tiêu dùng	19.82	3.62
7	Viễn thông	22.21	5.73
8	Tiện ích Cộng đồng	12.45	1.74
9	Tài chính	21.26	2.96
10	Ngân hàng	9.22	1.49
11	Công nghệ Thông tin	13.63	2.70

2.

Hiệu suất cổ phiếu theo ngành

Ngân hàng		Bất động sản		Chứng khoán		Thực phẩm		Xây dựng		Nguyên liệu CB		Tiện ích		Hóa chất	
STB	3.45%	VRE	3.98%	VIX	6.99%	KDC	4.40%	PC1	3.39%	NKG	2.14%	POW	5.13%	DGC	5.28%
LPB	2.70%	CRE	3.36%	HCM	6.95%	MSN	2.35%	HHV	2.38%	DHC	1.69%	GAS	1.93%	GVR	1.70%
ACB	2.21%	DIG	3.15%	ORS	4.18%	PAN	1.90%	CII	1.90%	HPG	1.10%	GEG	1.75%	AAA	1.09%
EIB	2.09%	DXG	2.93%	VCI	3.52%	ANV	1.71%	VCG	1.53%	PTB	0.80%	REE	1.15%	PHR	0.63%
TCB	1.80%	TCH	1.76%	CTS	3.24%	SAB	1.59%	VGC	1.28%	HSG	0.40%	BWE	1.15%	CSV	0.57%
VIB	1.57%	KBC	1.31%	AGR	2.78%	FMC	0.79%	CTD	0.12%	ACG	0.30%	NT2	0.82%	DPR	0.12%
NAB	1.06%	PDR	1.22%	EVF	2.71%	DBC	0.66%	HTI	0.00%			PPC	0.51%	DPM	0.00%
VCB	1.00%	KOS	1.20%	FTS	2.68%	VNM	0.65%	CTR	0.00%			VSH	0.23%	VFG	0.00%
OCB	0.90%	QCG	1.10%	VDS	1.05%	BAF	0.56%	BMP	-0.07%			CHP	0.00%	DCM	0.00%
BID	0.86%	HDC	1.07%	DSC	0.77%	BHN	0.17%					PGV	0.00%		
HDB	0.76%	BCM	0.94%			VCF	0.00%					TDM	0.00%		
SHB	0.71%	SZC	0.93%			HAG	0.00%					HNA	0.00%		
CTG	0.71%	NLG	0.93%			SBT	0.00%					SHP	-0.15%		
MSB	0.39%	IJC	0.49%			MCM	-0.18%					TMP	-0.41%		
MBB	0.39%	DXS	0.38%			ASM	-0.96%					PGD	-3.11%		
SSB	0.30%	SIP	0.17%			VHC	-1.60%								
TPB	0.00%	VIC	0.00%												
VPB	0.00%	HDG	0.00%												
		VHM	-0.13%												
		SJS	-0.52%												
		KDH	-0.82%												
		VPI	-2.88%												
		NVL	-3.65%												

3.

Giao dịch khối ngoại

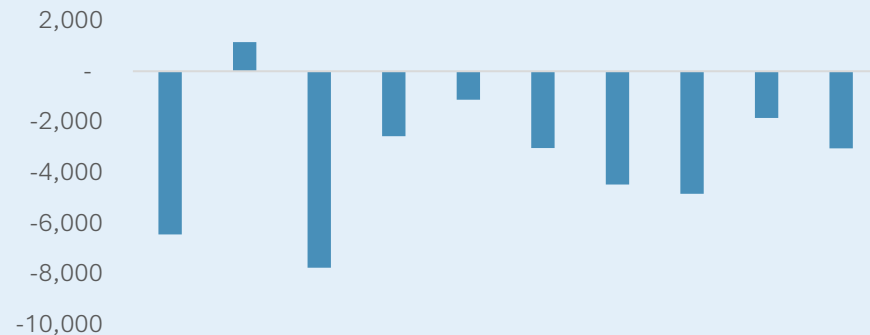
Giao dịch khối ngoại - 10 ngày



Top mua ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	POW	HOSE	212.99	10.69	202.30
2	MSN	HOSE	163.94	19.24	144.70
3	DGC	HOSE	89.41	11.09	78.33
4	GEX	HOSE	84.69	16.08	68.60
5	MWG	HOSE	167.84	109.75	58.09
6	VIX	HOSE	83.47	26.89	56.57
7	STB	HOSE	78.53	34.20	44.33
8	PC1	HOSE	53.13	14.31	38.82
9	VRE	HOSE	78.37	42.69	35.69
10	DXG	HOSE	36.49	2.71	33.78
11	PLX	HOSE	36.69	9.02	27.67
12	DIG	HOSE	30.27	4.32	25.95
13	PVS	HNX	41.96	19.17	22.79
14	MBB	HOSE	55.16	36.98	18.18
15	VNM	HOSE	36.01	18.79	17.22

Giao dịch khối ngoại - 10 tuần



Top bán ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	FPT	HOSE	33.32	487.10	- 453.79
2	ACB	HOSE	65.83	279.05	- 213.21
3	HPG	HOSE	171.25	383.38	- 212.13
4	VIC	HOSE	66.17	253.11	- 186.93
5	KDH	HOSE	2.90	114.87	- 111.97
6	NVL	HOSE	70.06	157.41	- 87.35
7	VCB	HOSE	21.40	105.03	- 83.63
8	VPB	HOSE	76.98	147.86	- 70.88
9	MSB	HOSE	3.58	56.50	- 52.92
10	KBC	HOSE	8.68	60.12	- 51.45
11	VHM	HOSE	248.79	293.57	- 44.79
12	VND	HOSE	17.63	53.00	- 35.37
13	PVD	HOSE	15.35	50.14	- 34.79
14	VCI	HOSE	42.70	75.42	- 32.72
15	CTG	HOSE	90.20	115.52	- 25.32

4.

Cập nhật vĩ mô

	Gần nhất	1D	1W	YTD
Giá dầu Brent (USD/thùng)	109.87	-3.99%	-1.25%	80.56%
Giá dầu WTI (USD/thùng)	99.78	-6.24%	-0.15%	73.77%
Giá vàng thế giới (USD/ounce)	4,594.22	1.55%	-0.03%	6.21%
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	25,113	0.01%	0.00%	-0.03%
Tỷ giá bán Vietcombank (USD/VND)	26,368	0.01%	0.00%	-0.03%
Tỷ giá bán TT tự do (USD/VND)	26,620	-0.15%	-0.67%	-0.75%
Lãi suất qua đêm – Liên ngân hàng	7.00%	0.38%	3.12%	5.23%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 1 năm	3.50%	0.00%	0.00%	0.43%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 3 năm	3.67%	0.07%	0.09%	0.49%

Dòng vốn FDI vào Việt Nam vượt mốc 18 tỷ USD trong 4 tháng đầu năm

Theo số liệu vừa được công bố bởi Cục Thống kê (Bộ Tài chính), tổng số vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 27/4/2026 đạt 18,24 tỷ USD, tăng 32% so với cùng kỳ năm trước. Vốn FDI thực hiện ước đạt 7,40 tỷ USD (tăng 9,8% so với cùng kỳ năm trước). Con số này tiếp tục là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất trong bốn tháng đầu năm tại Việt Nam trong 5 năm vừa qua.

Xuất khẩu nông lâm thủy sản 4 tháng đầu năm đạt hơn 23 tỷ USD, giữ vững đà tăng trưởng

Theo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản tháng 4/2026 ước đạt 6,05 tỷ USD, giảm 3,8% so với tháng 3 và giảm nhẹ 0,8% so với cùng kỳ năm 2025. Tuy nhiên, lũy kế 4 tháng đầu năm 2026, tổng kim ngạch xuất khẩu toàn ngành vẫn đạt 23,04 tỷ USD, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm trước.

5.

Bản tin doanh nghiệp



HUT: Tasco báo lãi quý I/2026 tăng 45%, doanh thu vượt 11.000 tỷ đồng

Quý I/2026, Tasco ghi nhận doanh thu hợp nhất đạt 11.030 tỷ đồng, tăng 58% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 1.227 tỷ đồng, tăng 65% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 53,8 tỷ đồng, tăng 45% cùng kỳ.

Kết quả tăng trưởng đến từ sự cải thiện đồng đều tại các lĩnh vực kinh doanh trọng yếu. Trong đó, các mảng phân phối và dịch vụ ô tô, bảo hiểm, dịch vụ thu phí không dừng cùng hệ sinh thái số của VETC lần lượt đạt mức tăng trưởng 136%, 210% và 177% so với cùng kỳ



HPG: Hòa Phát HPG chi hơn 3.800 tỷ đồng chia cổ tức năm 2025

Tập đoàn Hòa Phát (HPG) vừa thông báo sẽ chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 5%. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 11/5, thời gian thanh toán cổ tức dự kiến 3/6. Như vậy, HPG sẽ chi khoảng 3.838 tỷ đồng để trả cổ tức. Nguồn tiền chi trả được lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2025.

Ngoài ra, HPG cũng dự kiến phát hành hơn 767,5 triệu cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 10%. Nếu đợt phát hành cổ phiếu nêu trên thành công, vốn điều lệ của HPG sẽ tăng từ gần 76.754,7 tỷ đồng lên mức hơn 84.430 tỷ đồng.



GMD: Công bố chiến lược hàng hải mới, chốt cổ tức 22%

GMD công bố chính thức chuyển thành mô hình Tập đoàn với chiến lược "Maritime Centric" (lấy Hàng hải làm trọng tâm) thay vì "Port Centric".

Sau năm 2025 với lợi nhuận 2.521 tỷ đồng, GMD chốt cổ tức 22% và công bố các dự án chiến lược bao gồm thoái vốn tại liên doanh với đối tác CJ, mua 2 tàu biển, đóng mới đội tàu sông pha biển và nghiên cứu xà lan điện.

Quý 1/2026, Gemadept duy trì đà tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước, doanh thu thuần đạt 1.452,4 tỷ đồng, tăng 14%; LNST của công ty mẹ đạt 534,2 tỷ đồng, tăng 33%.

6.

Lịch sự kiện

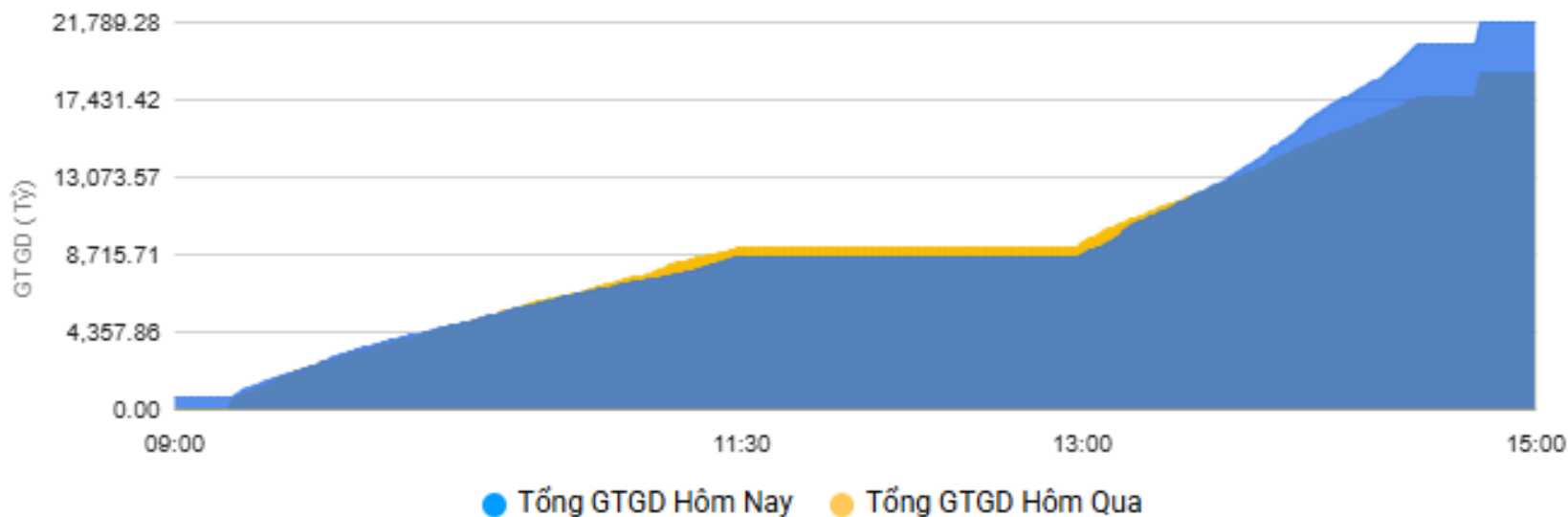
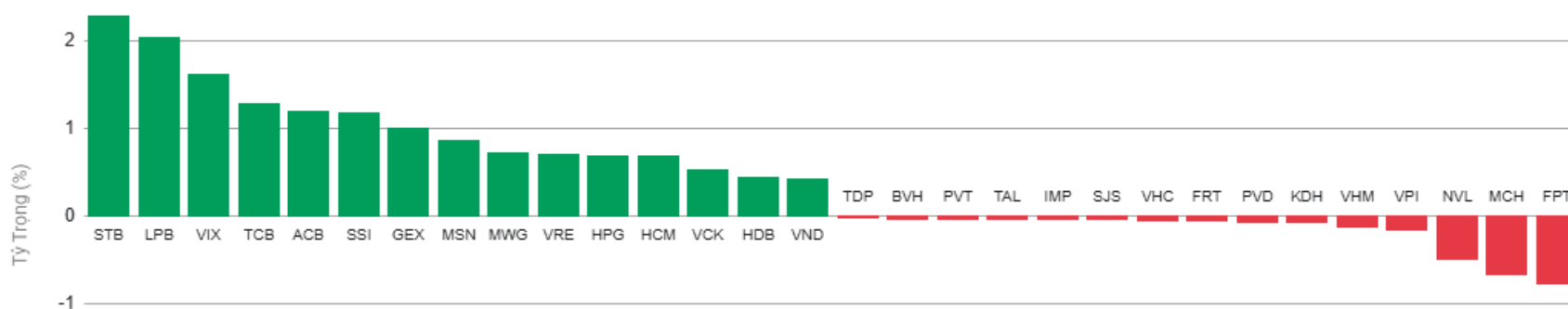
Mã	Ngày GDKHQ	Ngày thực hiện	Sự kiện	Tỷ lệ thực hiện	Giá trị
MTP	07/05/2026	29/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
NFC	07/05/2026	18/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	50%	5,000
TTC	07/05/2026	20/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
PTG	07/05/2026	11/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	50%	5,000
ANI	08/05/2026	26/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15%	1,500
DNN	08/05/2026	21/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	13%	1,300
KHD	08/05/2026	28/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	25%	2,500
PEQ	08/05/2026	28/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20%	2,000
PGS	08/05/2026	19/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20%	2,000
SPV	08/05/2026	12/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
FMC	11/05/2026	20/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20%	2,000
MAC	11/05/2026		Phát hành cổ phiếu	10%	
GLT	11/05/2026	22/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	34%	3,400
QNU	11/05/2026	22/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	4.32%	432
SFN	11/05/2026	12/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5%	500
TET	11/05/2026	26/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	1%	100

7.

Số liệu thị trường

NHÓM ẢNH HƯỞNG MẠNH TỚI CHỈ SỐ

BIỂU ĐỒ PHÂN TÁN



8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (06/05/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
VPB	20/5/2024	09/04/2026	34,000	28,000	21.4%	Link	Link
TPB	1/7/2024	23/03/2026	23,493	16,250	44.6%	Link	Link
TCB	12/8/2024	25/03/2026	37,000	33,900	9.1%	Link	Link
MBB	29/8/2024	27/3/2026	30,380	26,050	16.6%	Link	Link
ACB	23/9/2024	20/03/2026	28,750	23,100	24.5%	Link	Link
HDB	15/10/2024	1/4/2026	32,191	26,600	21.0%	Link	Link
CTG	28/11/2024	27/03/2026	40,200	35,550	13.1%	Link	Link
VCB	24/2/2025	11/3/2026	72,000	60,500	19.0%	Link	Link
BID	20/3/2025	17/3/2026	47,720	40,900	16.7%	Link	Link
STB	14/5/2025	31/03/2026	58,700	68,900	-14.8%	Link	Link
HPG	13/01/2025	9/2/2026	34,200	27,600	23.9%	Link	Link
HSG	14/02/2025	4/3/2026	12,420	12,500	-0.6%	Link	Link
NKG	7/3/2025	12/2/2026	15,950	14,350	11.1%	Link	Link
GMD	27/05/2025	27/2/2026	89,400	78,400	14.0%	Link	Link
VSC	18/06/2025	6/3/2026	27,450	21,900	25.3%	Link	Link
HAH	31/3/2025	5/3/2026	75,400	57,000	32.3%	Link	Link

8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (06/05/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
NLG	30/9/2024	13/11/2025	45,000	27,250	65.1%	Link	Link
KDH	23/10/2024	20/11/2025	42,000	24,200	73.6%	Link	Link
DXG	15/11/2024	4/12/2025	20,800	15,800	31.6%	Link	Link
DXS	15/1/2025	4/12/2025	12,000	7,840	53.1%	Link	Link
KBC	22/1/2025	27/11/2025	40,500	34,900	16.0%	Link	Link
BCM	4/8/2024	15/12/2025	83,000	53,800	54.3%	Link	Link
VRE	21/3/2025	7/11/2025	30,000	36,600	-18.0%	Link	Link
VHM	29/4/2025	5/11/2025	87,200	151,000	-42.3%	Link	Link
HDC	5/6/2025	30/01/2026	24,200	18,900	28.0%	Link	Link
PDR	30/6/2025	19/03/2026	18,600	16,600	12.0%	Link	Link
PVT	17/7/2025	10/3/2026	29,750	23,500	26.6%	Link	Link
VCG	29/8/2025	18/3/2026	23,700	23,200	2.2%	Link	Link
CTD	24/9/2025	13/3/2026	87,650	86,600	1.2%	Link	Link
FRT	5/2/2026	05/02/2026	170,000	147,800	15.0%	Link	Link
MWG	13/2/2026	13/2/2026	107,500	86,000	25.0%	Link	Link
PVD	3/03/2026	3/3/2026	40,500	32,500	24.6%	Link	Link
DGW	23/04/2026	23/04/2026	50,000	43,500	14.9%	Link	Link

Trụ sở chính

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Giảng Võ, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hà Nội

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP HCM

Hotline: 0283.838.5917

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.

